| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN ND HUYỆN Y T**<br>**TỈNH B G** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày 23-8-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH B G**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Thạo.
*Các hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Lục Viết Sang;
2.Bà Nguyễn Thị Cương.

- ***Thư ký phiên tòa :*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh B G.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh B G tham gia phiên tòa***: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 20 tháng 8 năm 2019 đến ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh B G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2018/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Dương Viết H, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Phố H H T, thị trấn C G, huyện Y T, tỉnh B G.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy Hu, sinh năm: 1984 (vắng mặt, đã đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã P X, huyện Y T, tỉnh B G.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Hoàng T M, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Phố H H T, thị trấn C G, huyện Y T, tỉnh B G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, anh Dương Viết H trình bày: Ngày 19 tháng 4 năm 2015 anh và anh Nguyễn Duy Hu ký hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ, địa điểm xây dựng

tại xóm Chẽ, xã Phồn Xương, huyện Y T, tỉnh B G, thời gian thi công kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2015 và hoàn thiện vào ngày 09 tháng 01 năm 2016 dương lịch. Diện tích đã thực thi công là 1066,5 $m^2$, giá 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 1 m2, bể phốt 11$m^3$ x 500.000đ/ 1 $m^3$, tổng giá trị hợp đồng là 805.370.000đ (Tám trăm linh năm triệu ba trăm bẩy mươi nghìn đồng). Quyền và nghĩa vụ của các bên được ghi tại Điều 2 của Hợp đồng, khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng ghi rõ trách nhiệm của bên B (bên anh H): "Cung cấp cốt pha lát sàn bằng gỗ hoặc tôn, xà gồ, cột chống theo đúng yêu cầu kỹ thuật về thời gian và số lượng (chi phí thuộc về bên A bên anh Hu)". Qúa trình thi công do hai bên có vi phạm hợp đồng, phía anh Hu không cung cấp đủ nguyên vật liệu dẫn đến không có vật liệu để thi công. Phía anh H chưa thi công hoàn thiện các hạng mục theo hợp đồng đã ký kết, chưa xây 02 lò sưởi tầng 1, chưa đắp toàn bộ phào chỉ từ tầng 1 đến tầng 6, nhưng trước đó anh Hu đã ứng trước tiền công cho anh H là 645.500.000đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Chính vì vậy, ngày 06 tháng 3 năm 2017 anh Nguyễn Duy Hu đã khởi kiện yêu cầu anh H phải trả cho anh Hu 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền công anh Hu tạm ứng thừa cho anh H. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y T xét xử buộc anh H và Chị M phải có trách nhiệm trả anh Hu, chị H số tiền 64.400.000đ (Sáu mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Anh H, Chị M đều kháng cáo bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y T. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/ DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G xét xử buộc anh H, Chị M phải trả cho anh Hu, chị H số tiền 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phạt do anh H Chị M vi phạm hợp đồng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018 anh H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy Hu phải thanh toán trả cho anh H số tiền thuê cốt pha, cây chống, ván lát sàn số tiền 97.300.000Đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng), buộc anh Hu phải trả số tiền công còn thiếu chưa thanh toán là 42.300.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng), tổng số tiền anh H yêu cầu anh Hu phải trản là 139.600.000đ (một trăm ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng được bù trừ vào số tiền 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), anh H, Chị M phải trả anh Hu theo bản án số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G. Số tiền còn lại anh Hu phải trả là 99.350.000đ (Chín mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Căn cứ để anh H chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh là bản gốc hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ ngày 19 tháng 4 năm 2015, bản gốc các giấy biên nhận vào các ngày 20 tháng 5 năm 2015, ngày 23 tháng 6 năm 2015, ngày 15 tháng 7 năm 2015, ngày 22 tháng 8 năm 2015, ngày 23 tháng 9 năm 2015 và ngày 15 tháng 11 năm 2015 có xác nhận của ông Nguyễn Văn T là người cho thuê dầm bo, cây chống, tấm ốp định hình; bản gốc văn bản xác nhận của bà Nguyễn Thị Tha là người

cho thuê cột chống; bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/ DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 anh Dương Viết H có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là số tiền 44.650.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) anh H nộp ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T là số tiền anh Hu được thi hành án theo bản án số 08/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y T và bản án số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B G. Ngày 15 tháng 01 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh B G đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-APBPKCTT, phong tỏa số tiền 44.650.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo yêu cầu của anh Dương Viết H.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh Hu phải trả tiền công xây dựng còn thiếu là 42.300.000đ (Bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa anh H rút yêu cầu bù trừ số tiền 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh phải trả anh Hu theo bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 28 tháng 3 năm 2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Duy Hu trình bày: Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H. Ngày 19 tháng 4 năm 2015 anh và anh Dương Viết H ký hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ, tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng ghi rõ: bên B (anh H)có trách nhiệm cung cấp cốt pha, lát sàn bằng gỗ hoặc tôn, xà gồ, cột chống theo đúng yêu cầu kỹ thuật, toàn bộ chi phí do anh thanh toán. T rong quá trình xây dựng anh có nhờ anh H mua cây chống, cốt pha, lát sàn gỗ để anh sử dụng cho toàn bộ công trình và anh đã thanh toán tiền cho anh H ngay sau khi anh H chở cây chống, cốt pha về công trình xây dựng, cụ thể: Khoảng ngày 03 tháng 4 năm 2015 anh mua 100 $m^2$ ván be giá 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng)/ 1 $m^2$ để chuẩn bị cho việc đổ móng ngày 14 tháng 4 năm 2015; khoảng ngày 13 tháng 6 năm 2015 để chuẩn bị cho việc đổ trần tầng hầm ngày 23 tháng 6 năm 2015 anh mua 300 cây chống chiều dài từ 2,7m đến 3,5m giá 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng)/ 1 cây; Ngày 13 tháng 8 năm 2015 để chuẩn bị cho việc đổ trần tầng 2 anh nhờ anh Hu mua ván be nhưng không nhớ số lượng, mua bổ sung 300 cây chống dài từ 3,9m đến 4,5m giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đến 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng)/ 1 cây; Ngoài ra còn 4 lần đổ trần anh có nhờ anh H mua bổ sung cây trống, ván be, ván lát sàn nhưng anh không nhớ số lượng, ngày mua và số tiền anh đã trả; Anh nhờ anh H mua 02 hộp cột sắt rộng 30x40cm giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/ 1 cột, thuê hộp cột bằng sắt của anh H 2 hộp rộng 20x20cm. Trong 06 lần đổ trần và 01 lần đổ móng tất cả các cột chống, ván be, lát sàn, hộp cột bằng sắt là do

anh nhờ anh H mua và anh thanh toán tiền trực tiếp cho anh H ngay sau khi anh H mua nhưng anh không ghi chép vào sổ sách nên anh không có tài liệu để chứng minh. Anh H yêu cầu anh phải trả số tiền 97.300.000đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng) anh không đồng ý. Anh yêu cầu anh H, Chị M phải bồi thường thiệt hại cho anh các khoản sau: Tiền lãi anh phải trả hàng tháng cho Ngân hàng và cá nhân là 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) x0,75%/ tháng x 25 tháng = 843.750.000đ (Tám trăm bốn mươi ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng); tiền thuê người trông công trình 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/ tháng x 25 tháng = 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng); Tiền chênh lệch giá nhân công của năm 2018 do với năm 2016 là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền anh yêu cầu anh H, Chị M phải bồi thường cho anh là 1.008.750.000đ (Một tỷ không trăm linh tám triệu bẩy trăm năm mươi triệu đồng); yêu cầu anh Dương Viết H, chị Hoàng T M phải bồi thường khoản lợi nhuận anh được hưởng do kinh doanh nhà nghỉ. Chị Triệu Thị Hã là vợ anh nhưng anh và chị H đã ly hôn, khi ly hôn, anh và chị H đã thỏa thuận được về tài sản nên việc giải quyết vụ án này không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của chị H.

Do anh Nguyễn Duy Hu vi phạm pháp luật hình sự, đang bị tạm giam, tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 7 năm 2019 anh Hu rút toàn bộ yêu cầu phản tố được ghi trong đơn yêu cầu phản tố ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Tại bản tự khai viết chung ngày 03 tháng 01 năm 2019 của anh Dương Viết H và chị Hoàng T M, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa chị Hoàng T M trình bày:

Chị là vợ anh H, ngày 19 tháng 4 năm 2015 anh H và anh Hu ký hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ, theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng thì giá xây dựng là 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 1 $m^2$, bể phốt là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/ 1 $m^3$. Tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng quy định anh H cung cấp đủ cốt pha, cây cống, ván lát sàn, anh Hu phải thanh toán toàn bộ chi phí. Do anh Hu không cung cấp đủ vật liệu nên thợ không thi công được theo tiến độ nên anh H đã dừng thi công xây dựng nhà nghỉ. Anh Hu đã khởi kiện anh H yêu cầu thanh toán tiền công ứng thừa và tiền phát do vi phạm hợp đồng đã được Tòa án nhân dân tỉnh B G xét xử tại bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G. Tuy nhiên chi phí thuê cốt pha, cây chống, lát sàn anh Hu chưa thanh toán cho anh H, anh H khởi kiện yêu cầu anh Hu phải thanh toán toàn bộ chi phí anh H phải thuê cây chống, cốt pha, lát sàn là 97.300.000đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng) chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H yêu cầu anh Hu phải thanh toán tiền công còn thiếu là 42.300.000đ (Bốn mươi hai triệu ba trăm

nghìn đồng), yêu cầu bù trừ số tiền 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh H rút yêu cầu chị đồng ý.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy Hu vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt ghi tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 7 năm 2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến, để nghị:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 217 Bộ luật TTDS. Điều 518 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 145; Điều 148; Điều 149 Luật xây dựng năm 2014. Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H, buộc anh Nguyễn Duy Hu phải thanh toán cho anh Dương Viết H và chị Hoàng T M số tiền 97.300.000đ (chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng);

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H yêu cầu anh Nguyễn Duy Hu thanh toán 42.300.000đ tiền công và yêu cầu anh Hu phải bù trừ 40.250.000đ anh H phải trả anh Hu theo quyết định của bản án số 52/2018/DS- PT ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B G; đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Duy Hu yêu cầu anh Dương Viết H bồi thường thiệt hại 1.008.750.000đ.

Về án phí: Anh Nguyễn Duy Hu phải chịu 4.865.000đ tiền án phí DSST. Trả lại tiền tạm ứng án phí anh H và anh Hu đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Duy Hu vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hu theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 19 tháng 4 năm 2015 anh và anh Nguyễn Duy Hu ký hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ, địa điểm xây dựng tại xóm Chẽ, xã Phồn Xương, huyện Y T, tỉnh B G, thời gian thi công kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2015 và hoàn thiện vào ngày 09 tháng 01 năm 2016 dương lịch. Diện tích đã thực thi công là 1066,5 $m^2$, giá 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 1 m2, bể phốt 11$m^3$ x 500.000đ/ 1 $m^3$, tổng giá trị hợp đồng là 805.370.000đ (Tám trăm linh năm triệu ba trăm bẩy mươi nghìn đồng). Quyền và nghĩa vụ của các bên được ghi

tại Điều 2 của Hợp đồng, khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng ghi rõ trách nhiệm của bên B (anh H) "Cung cấp cốt pha lát sàn bằng gỗ hoặc tôn, xà gồ, cột chống theo đúng yêu cầu kỹ thuật về thời gian và số lượng (chi phí thuộc về bên A)". Qúa trình thi công do hai bên có vi phạm hợp đồng, phía anh Hu không cung cấp đủ nguyên vật liệu dẫn đến không có vật liệu để thi công. Phía anh H chưa thi công hoàn thiện các hạng mục theo hợp đồng đã ký kết, chưa xây 02 lò sưởi tầng 1, chưa đắp toàn bộ phào chỉ từ tầng 1 đến tầng 6, nhưng trước đó anh Hu đã ứng trước tiền công cho anh H là 645.500.000đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Chính vì vậy, ngày 06 tháng 3 năm 2017 anh Nguyễn Duy Hu đã khởi kiện yêu cầu anh H phải trả cho anh Hu 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền công anh Hu tạm ứng thừa cho anh H. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y T xét xử buộc anh Dương Viết H và chị Hoàng T M phải có trách nhiệm trả anh Nguyễn Duy Hu, chị Triệu Thị Hă số tiền 64.400.000đ (Sáu mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền phạt do anh H vi phạm hợp đồng. Anh H, Chị M đều kháng cáo bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y T. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/ DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G xét xử buộc anh Dương Viết H, chị Hoàng T M phải trả cho anh Nguyễn Duy Hu, chị Triệu Thị Hă số tiền 40.250.000đ (bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phạt do anh H Chị M vi phạm hợp đồng. Ngày 17 tháng 12 năm 2018 anh H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy Hu phải thanh toán trả cho anh H số tiền thuê cốt pha, cây chống, ván lát sàn số tiền 97.300.000Đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng), buộc anh Hu phải trả số tiền công còn thiếu chưa thanh toán là 42.300.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) nhưng được bù trừ vào số tiền 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), anh H, Chị M phải trả anh Hu theo bản án số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G. Số tiền còn lại anh Hu phải trả là 99.350.000đ (Chín mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Ngày 28 tháng 3 năm 2019 anh Hu nộp đơn yêu cầu phản tố, anh yêu cầu anh H, Chị M phải bồi thường thiệt hại cho anh các khoản sau: Tiền lãi anh phải trả hàng tháng cho Ngân hàng và cá nhân là 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) x0,75%/ tháng x 25 tháng = 843.750.000đ (Tám trăm bốn mươi ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng); tiền thuê người trông công trình 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/ tháng x 25 tháng = 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng); Tiền chênh lệch giá nhân công của năm 2018 do với năm 2016 là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền anh yêu cầu anh H, Chị M phải bồi thường cho anh là 1.008.750.000đ (Một tỷ không trăm linh tám triệu bẩy trăm năm mươi triệu đồng), ngoài ra anh còn yêu

cầu anh H, Chị M phải trả cho anh khoản lợi nhuận lẽ ra anh được hưởng do kinh doanh nhà nghỉ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 7 năm 2019 anh Hu rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

[4] Xét việc anh Dương Viết H rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu anh Hu phải thanh toán tiền công lao động còn thiếu là 42.300.000đ (Bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng), rút yêu cầu bù trừ số tiền 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh H, Chị M phải trả anh Hu theo bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H yêu cầu anh Nguyễn Duy Hu trả số tiền anh H đã thuê cốt pha, cây chống, ván lát sàn số tiền 97.300.000đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng), Hội đồng xét xử thấy: Số lần anh H thuê cốt pha, cây chống tổng số 6 tầng tương ứng với 6 lần đổ trần trong quá trình thi công nhà nghỉ cho anh Nguyễn Dung Hùng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh H là hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ ngày 19 tháng 4 năm 2015 (bút lục 82,83,84) được anh Hu thừa nhận là đúng nội dung thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng, lời thừa nhận của anh Hu là chứng cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H đã thuê cốt pha, tấm ốp định hình, dầm bo, cây chống có xác nhận của ông Nguyễn Văn T là người cho thuê (bút lục 85,86,87,88,89,90) như sau:

- Ngày 20/5/2015 ốp định hình, dầm bo, cây chống thời gian thuê đến ngày 20/6/2015, thành tiền: 16.948.000đ (mười sáu triệu chính trăm bốn mươi tám nghìn đồng);
- Ngày 23/6/2015 thuê ốp định hình, dầm bo, cây chống thời gian thuê đến ngày 23/7/2015, thành tiền: 16.248.000đ (mười sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng);
- Ngày 15/7/2015 thuê ốp định hình, dầm bo, cây chống thời gian thuê đến ngày 21/8/2015, thành tiền: 16.248.000đ (mười sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng);
- Ngày 22/8/2015 thuê ốp định hình, dầm bo, cây chống thời gian thuê đến ngày 22/9/2015, thành tiền: 16.248.000đ (mười sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng);
- Ngày 22/9/2015 thuê ốp định hình, dầm bo, cây chống thời gian thuê đến ngày 23/10/2015, thành tiền: 16.248.000đ (mười sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng);
- Ngày 05/11/2015 thuê ốp định hình, dầm bo, cây chống thời gian thuê đến ngày 05/12/ 2015, thành tiền: 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Các tài liệu anh H cung cấp đều là bản gốc, ông T đúng là người làm dịch vụ cung cấp cho các thợ

xây dựng thuê cốt pha, cây chống, ... là có thật, vì vậy chứng cứ do anh H đưa ra là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị Tha (bút lục 91) xác nhận có 06 lần cho anh Hu thuê cột chống vào các ngày 04 tháng 5 năm 2015, ngày 05 tháng 6 năm 2015, ngày 30 tháng 6 năm 2015, ngày 08 tháng 8 năm 2019, ngày 02 tháng 9 năm 2015, ngày 12 tháng 10 năm 2015 tương ứng với số tầng và số lần anh H thi công công trình, số tiền thuê cột chống của Bà Tha: 5.760.000đ (năm triệu bẩy trăm sáu mươi nghìn đồng) . Bà Nguyễn Thị Tha làm nghề kinh doanh dịch vụ cho thuê cột chống trên địa bàn là có thật, số lần anh H thuê cột chống tương ứng với số lần đổ trần công trình xây dựng của anh Hu nên có căn cứ để chấp nhận. Anh Nguyễn Văn Hùng phản đối yêu cầu khởi kiện của anh H nhưng anh Hu không đưa ra được căn cứ để chứng minh việc anh nhờ anh H mua cây chống, ván lát, tấm ốp và không chứng minh anh đã thanh toán tiền cho anh H. Chính vì vậy, không thể chấp nhận sự phản đối của anh Hu được mà buộc anh Hu phải thanh toán trả cho anh H số tiền anh H đã thuê cây chống, ván lát sàn, ván be là 97.300.000đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét việc rút yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Duy Hu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Duy Hu, anh Hu có quyền khởi kiện lại bằng vụ án khác. Chị Triệu Thị Hă là vợ anh Hu tại thời điểm anh H và anh Hu giao kết hợp đồng xây dựng nhưng chị H và anh Hu ly hôn theo quyết định số 81/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20/6/2018.

[7] Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-APBPKCTT ngày 15 tháng 01 năm 2019 là quyết định tố tụng độc lập. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại chương VIII Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H được chấp nhận nên anh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy Hu phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của anh H được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí anh Hu đã nộp tạm ứng cho yêu cầu phản tố nhưng anh Hu đã rút yêu cầu phản tố nên trả lại cho anh Hu.

Từ nhận định trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 518, Điều 519, Điều 520, Điều 523, Điều 524 Bộ luật dân

sự năm 2005, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 141, Điều 144, Điều 145, Điều 146 Luật xây dựng năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H yêu cầu anh Nguyễn Duy Hu phải thanh toán tiền công lao động còn thiếu là 42.300.000đ (Bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng), anh Dương Viết H có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Viết H yêu cầu bù trừ số tiền 40.250.000đ (bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh Dương Viết H, chị Hoàng T M phải trả anh Nguyễn Duy Hu, chị Triệu Thị Hă theo bản án dân sự phúc thẩm số 52/2018/DS-PT ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh B G.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Duy Hu yêu cầu anh Dương Viết H và chị Hoàng T M phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Duy Hu 1.008.750.000đ (một tỷ không trăm linh tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng); đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Duy Hu yêu cầu anh Dương Viết H, chị Hoàng T M phải trả cho anh khoản lợi nhuận do kinh doanh nhà nghỉ. Anh Nguyễn Duy Hu có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

Buộc anh Nguyễn Duy Hu phải trả cho anh Dương Viết H số tiền 97.300.000đ (Chín mươi bẩy triệu ba trăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí: Hoàn trả anh Dương Viết H 2.483.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002106 ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh B G thu.

Hoàn trả anh Nguyễn Duy Hu 21.130.000đ (Hai mươi mốt triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Hu đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004378 ngày 14 tháng 5 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh B G thu. Anh Nguyễn Duy Hu phải chịu 4.865.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án  trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh B G;
- VKSND tỉnh B G;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS  huyện Y T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Thạo**